TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST Ngày: 05 -05-2023 V/v Xin ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà PHẠM YẾN NHƯ

Hội thẩm nhân dân:

. Ông LÊ VĂN HOÀNG

. Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

-Thư ký phiên tòa: Bà VY TRẦN BẢO PHƯƠNG – Thư ký Tòa án H. Đ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Đ tham gia phiên toà:* Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 05 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 430/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29.03.2023 và quyết định hoãn phiên toà số 20/2023/QĐ-HPT ngày 14.04.2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1993; Trú tại: Số 69 N, Tổ 21, thị trấn L, huyện Đ, Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Trần Đỗ Quốc Đ, sinh năm 1985; Trú tại: Khu C, thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tạm trú: Cửa hàng V, tổ 34, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Cẩm T vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Quốc Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo các bản khai, đơn khởi kiện và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Cẩm T trình bày:***

- **Về quan hệ hôn nhân**: Vợ chồng quen biết, tìm hiểu. Sau đó đi đến kết hôn năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà chồng Khu C, thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do chồng không tu chí làm ăn, không chăm sóc vợ con. Đến tháng 01/2019 ông Đ đi chấp hành án 3 năm, tôi đã bỏ về nhà bố mẹ sinh sống. Ông Đ và mẹ chồng đề nghị tôi cho thời gian để suy nghĩ nhưng từ Tết đến nay ông Đ đã không hề thay đổi mà ngược lại càng chơi bời hơn trước. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi ly hôn anh Định để ổn định cuộc sống, càng kéo dài càng mệt mỏi.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Nguyễn Bảo L, sinh ngày 01/10/2019 hiện do tôi nuôi dưỡng. Nay ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con cho đến ngày thành niên.

- Về cấp dưỡng: Yêu cầu anh Định cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng bắt đầu từ tháng 01/2023.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Không có.

**** Bị đơn ông Trần Đỗ Quốc Đ trình bày***: (theo biên bản lấy lời khai)

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng quen biết, tìm hiểu. Sau đó đi đến kết hôn năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà chồng Khu C, thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tôi xin thời gian ra Tết để suy nghĩ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Nguyễn Bảo L, sinh ngày 01/10/2019 hiện do cô Tú đang nuôi dưỡng.

***** Tòa án triệu tập hợp lệ để hoà giải nhưng ông Đ không đến và cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án, không có ý kiến gì về việc vợ

xin ly hôn, việc nuôi con. Để mặc bà T tự giải quyết. Vì vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông Quốc Đ được biết. Do bà Cẩm T có đơn yêu cầu không hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, theo đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Cẩm T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Quốc Đ, yêu cầu tiếp tục nuôi con cho đến ngày con thành niên. Không yêu cầu ông Quốc Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung không có.

Ông Quốc Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ**:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tống đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tại Điều 68, 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn ông Trần Đỗ Quốc Đ.

+ Về con chung: Đề nghị giao bà Cẩm T tiếp tục nuôi con Trần Nguyễn Bảo L, sinh ngày 01/10/2019 cho đến ngày con thành niên. Bà Cẩm T không yêu cầu ông Quốc Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc *"Tranh chấp ly hôn"* giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T với bị đơn ông Trần Đỗ Quốc Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ. Bà Cẩm T

có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Quốc Đ đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cẩm T và ông Quốc Đ quen biết, tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 2018, đăng ký kết hôn theo luật định (tháng 6/2019). Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại nhà chồng Khu C, thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đến tháng 01/2019 ông Đ đi chấp hành án 3 năm, bà T đã bỏ về nhà bố mẹ sinh sống. Sau khi chấp hành án về thì phát sinh mâu thuẫn do ông Đ không tu chí làm ăn, không chăm sóc vợ con nên bà T yêu cầu ly hôn. Ông Đ và mẹ chồng đề nghị bà T cho thời gian để suy nghĩ nhưng từ Tết đến nay ông Đ đã không hề thay đổi mà ngược lại càng chơi bời hơn trước. Toà án mời hoà giải nhưng ông Đ không đến, không có thiện chí hoà giải.

Xét thấy hôn nhân giữa bà Cẩm T và ông Quốc Đ tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử chấp nhận cho bà Cẩm T được ly hôn ông Quốc Đ là phù hợp và đúng pháp luật theo Điều 51, 56 Luật HNGĐ.

- Về con chung: Bà Cẩm T với ông Quốc Đ có 01 con chung tên Trần Nguyễn Bảo L, sinh ngày 01/10/2019 hiện do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con. Ông Đ không có ý kiến gì và từ khi bà T yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn ông Tú cũng không thăm nom hay cấp dưỡng nuôi con nên giao bà T tiếp tục nuôi con. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ vào:

- Điều 33, 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điều 27, 35, 203, 220 và điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015;

- Điều 26 Luật thi hành án Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Về nội dung: Xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn ông Trần Đỗ Quốc Đ.

2. Về con chung: Giao bà Cẩm T tiếp tục nuôi con chung Trần Nguyễn Bảo L, sinh ngày 01/10/2019 cho đến ngày con chung thành niên. Bà Cẩm T không yêu cầu ông Quốc Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật HNGĐ.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0008199 ngày 14.10.2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THA dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết bà Cẩm T và ông Quốc Đ có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAT LĐ
-VKSND H.ĐT
-UBND TT L.
-Các đương sự
-Lưu HS, lưu AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa